

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải đoạn Phân luồng từ Phao “0” đến Phao “GR”, đoạn luồng Sài Gòn - Vũng Tàu từ Phao “GR” vào tới khu vực Thiêng Liêng và đoạn luồng từ thượng lưu cảng Phước An đến cảng Vedan Phước Thái thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số “0” vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh Đồng Nai

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải và Luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 1284/ BHHĐT-ĐHDA5 ngày 21/10/2025 của Ban Quản lý dự án Hàng hải và Đường thủy, kèm theo hồ sơ khảo sát địa hình phục vụ thông báo hàng hải tháng 10/2025;

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải đoạn Phân luồng từ Phao “0” đến Phao “GR”, đoạn luồng Sài Gòn - Vũng Tàu từ Phao “GR” vào tới khu vực Thiêng Liêng và đoạn luồng từ thượng lưu cảng Phước An đến cảng Vedan Phước Thái, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" như sau:

1. Luồng hàng hải đoạn Phân luồng từ Phao “0” đến Phao “GR” cho tàu vào/rời luồng Sài Gòn – Vũng Tàu và luồng Sông Dinh

1.1. Trong phạm vi đoạn Phân luồng từ Phao “0” đến Phao “GR” - Làn bên phải (bên phao xanh) với chiều dài khoảng 15km, bề rộng luồng 170m, độ sâu đạt 11,0m (mười một mét) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực L = 106°00', mũi chiếu = 3°		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
BP2	10°17'22.32"N	107°04'55.03"E	10°17'18.65"N	107°05'01.45"E
BP3	10°19'38.15"N	107°03'25.04"E	10°19'34.47"N	107°03'31.45"E
BP4	10°19'51.38"N	107°03'19.29"E	10°19'47.70"N	107°03'25.71"E
BP5	10°20'04.62"N	107°03'13.59"E	10°20'00.95"N	107°03'20.01"E

BP6	10°22'05.96"N	107°02'45.12"E	10°22'02.29"N	107°02'51.54"E
BP7	10°22'37.67"N	107°02'37.68"E	10°22'34.00"N	107°02'44.10"E
BP8	10°23'15.40"N	107°02'36.44"E	10°23'11.72"N	107°02'42.86"E
BP9	10°23'40.05"N	107°02'35.63"E	10°23'36.37"N	107°02'42.05"E
BP10	10°23'50.29"N	107°02'45.61"E	10°23'46.61"N	107°02'52.03"E
BP11	10°23'54.55"N	107°02'56.43"E	10°23'50.88"N	107°03'02.85"E
BP12	10°23'55.95"N	107°03'08.75"E	10°23'52.28"N	107°03'15.17"E
BT12	10°23'59.37"N	107°03'08.94"E	10°23'55.70"N	107°03'15.36"E
BP1	10°16'54.59"N	107°05'06.72"E	10°16'50.91"N	107°05'13.14"E
3	10°18'00.14"N	107°04'23.30"E	10°17'56.46"N	107°04'29.71"E
5	10°19'21.76"N	107°03'29.21"E	10°19'18.09"N	107°03'35.63"E
A1	10°19'40.29"N	107°03'16.93"E	10°19'36.61"N	107°03'23.35"E
A2	10°19'57.34"N	107°03'09.56"E	10°19'53.67"N	107°03'15.98"E
7	10°20'13.19"N	107°03'05.84"E	10°20'09.52"N	107°03'12.26"E
9	10°22'36.79"N	107°02'32.15"E	10°22'33.11"N	107°02'38.57"E
BP17	10°24'07.34"N	107°02'10.90"E	10°24'03.66"N	107°02'17.32"E
BT11	10°24'11.36"N	107°02'11.35"E	10°24'07.69"N	107°02'17.77"E

Ghi chú: Nhánh luồng kết nối cục bộ với tuyến luồng vào sông Dinh: Chiều dài khoảng 1,5km, độ sâu tự nhiên thay đổi từ 11,0 m (mười một mét) đến 7,3 m (bảy phẩy ba mét).

1.2. Trong phạm vi đoạn Phân luồng từ Phao “0” đến Phao “GR” - Làn bên trái (bên phao đỏ) độ sâu đạt 11,0m (mười một mét) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục L = 106°00', mũi chiếu = 3°		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
BT1	10°16'48.34"N	107°04'57.11"E	10°16'44.67"N	107°05'03.52"E
2	10°17'13.18"N	107°04'40.65"E	10°17'09.50"N	107°04'47.07"E
4	10°19'43.61"N	107°03'00.97"E	10°19'39.94"N	107°03'07.39"E
6	10°22'03.21"N	107°02'28.22"E	10°21'59.53"N	107°02'34.63"E
BT10	10°24'20.14"N	107°01'56.10"E	10°24'16.47"N	107°02'02.52"E
BT13	10°24'29.85"N	107°01'53.80"E	10°24'26.18"N	107°02'00.22"E
BT14	10°24'34.70"N	107°01'51.17"E	10°24'31.03"N	107°01'57.59"E
BP13	10°24'37.14"N	107°01'41.87"E	10°24'33.47"N	107°01'48.29"E
BP14	10°24'37.03"N	107°01'28.44"E	10°24'33.35"N	107°01'34.86"E
BP15	10°24'52.37"N	107°01'03.58"E	10°24'48.69"N	107°01'10.00"E

BP16	10°24'58.89"N	107°00'48.58"E	10°24'55.22"N	107°00'54.99"E
BT2	10°17'10.19"N	107°04'35.95"E	10°17'06.51"N	107°04'42.37"E
BT3	10°19'41.42"N	107°02'55.73"E	10°19'37.75"N	107°03'02.15"E
BT4	10°22'02.31"N	107°02'22.69"E	10°21'58.63"N	107°02'29.11"E
BT5	10°22'34.04"N	107°02'15.25"E	10°22'30.36"N	107°02'21.66"E
BT6	10°23'46.73"N	107°01'58.18"E	10°23'43.06"N	107°02'04.60"E
BT7A	10°23'59.66"N	107°01'52.62"E	10°23'55.99"N	107°01'59.04"E
BT7B	10°24'23.57"N	107°01'35.35"E	10°24'19.89"N	107°01'41.77"E
BT7C	10°24'32.33"N	107°01'25.49"E	10°24'28.66"N	107°01'31.91"E
BT8	10°24'45.25"N	107°01'04.55"E	10°24'41.57"N	107°01'10.97"E
BT9	10°24'54.47"N	107°00'46.49"E	10°24'50.80"N	107°00'52.91"E

2. Đoạn luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu từ Phao “GR” vào tới khu vực Thiềng Liềng

Trong phạm vi đoạn luồng Sài Gòn - Vũng Tàu từ Phao “GR” vào tới khu vực Thiềng Liềng với bề rộng đáy luồng 150m, bán kính cong nhỏ nhất $R=924m$, chiều rộng luồng tàu trên đoạn cong $B=240 \div 330m$ và độ sâu đạt 11,0m (mười một mét) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực $L = 106^{\circ}00'$, mũi chiều = 3°		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
BP1	10°24'58.89"N	107°00'48.59"E	10°24'55.22"N	107°00'55.01"E
BP2	10°26'32.53"N	106°57'27.49"E	10°26'28.85"N	106°57'33.92"E
BP3	10°26'39.52"N	106°57'17.34"E	10°26'35.85"N	106°57'23.76"E
BP4	10°26'55.39"N	106°57'01.31"E	10°26'51.71"N	106°57'07.73"E
BP5	10°27'06.35"N	106°56'53.53"E	10°27'02.68"N	106°56'59.95"E
BP6	10°28'00.43"N	106°56'28.11"E	10°27'56.76"N	106°56'34.54"E
BP7	10°28'09.55"N	106°56'25.66"E	10°28'05.88"N	106°56'32.08"E
BP8	10°28'22.64"N	106°56'26.44"E	10°28'18.97"N	106°56'32.86"E
BP9	10°28'31.49"N	106°56'30.00"E	10°28'27.82"N	106°56'36.42"E
BP10	10°29'03.61"N	106°56'50.06"E	10°28'59.94"N	106°56'56.48"E
BP11	10°29'11.68"N	106°56'57.33"E	10°29'08.01"N	106°57'03.75"E
BP12	10°29'21.72"N	106°57'1.30"E	10°29'18.05"N	106°57'07.72"E
BP13	10°29'37.46"N	106°56'57.40"E	10°29'33.79"N	106°57'03.82"E
BP14	10°30'43.59"N	106°56'52.97"E	10°30'39.91"N	106°56'59.40"E
BP15	10°30'54.43"N	106°56'54.11"E	10°30'50.75"N	106°57'00.54"E
BP16	10°31'20.51"N	106°56'44.07"E	10°31'16.84"N	106°56'50.49"E

BP17	10°31'36.89"N	106°56'21.23"E	10°31'33.22"N	106°56'27.66"E
BP18	10°31'38.66"N	106°56'10.37"E	10°31'34.99"N	106°56'16.80"E
BP19	10°31'54.49"N	106°55'24.77"E	10°31'50.82"N	106°55'31.19"E
BT1	10°24'54.47"N	107°00'46.49"E	10°24'50.80"N	107°00'52.91"E
BT2	10°26'28.79"N	106°57'23.93"E	10°26'25.12"N	106°57'30.35"E
BT3	10°26'31.64"N	106°57'13.12"E	10°26'27.97"N	106°57'19.54"E
BT4	10°26'39.71"N	106°57'01.51"E	10°26'36.04"N	106°57'07.93"E
BT5	10°26'52.35"N	106°56'52.54"E	10°26'48.68"N	106°56'58.96"E
BT6	10°27'03.00"N	106°56'49.67"E	10°26'59.33"N	106°56'56.09"E
BT7	10°27'53.35"N	106°56'26.01"E	10°27'49.67"N	106°56'32.43"E
BT8	10°28'09.26"N	106°56'14.77"E	10°28'05.59"N	106°56'21.19"E
BT9	10°28'23.31"N	106°56'15.61"E	10°28'19.64"N	106°56'22.03"E
BT10	10°28'35.92"N	106°56'26.97"E	10°28'32.25"N	106°56'33.39"E
BT11	10°29'09.58"N	106°56'47.99"E	10°29'05.91"N	106°56'54.41"E
BT12	10°29'21.55"N	106°56'52.80"E	10°29'17.87"N	106°56'59.23"E
BT13	10°29'29.52"N	106°56'52.99"E	10°29'25.85"N	106°56'59.41"E
BT14	10°30'43.85"N	106°56'48.01"E	10°30'40.17"N	106°56'54.44"E
BT15	10°30'51.91"N	106°56'45.94"E	10°30'48.24"N	106°56'52.37"E
BT16	10°31'15.11"N	106°56'37.01"E	10°31'11.43"N	106°56'43.44"E
BT17	10°31'29.68"N	106°56'16.70"E	10°31'26.00"N	106°56'23.13"E
BT18	10°31'34.03"N	106°56'08.81"E	10°31'30.36"N	106°56'15.23"E
BT19	10°31'50.55"N	106°55'21.23"E	10°31'46.88"N	106°55'27.66"E

3. Đoạn luồng hàng hải từ thượng lưu cảng Phước An đến bến cảng Vedan Phước Thái:

3.1. Trong phạm vi Đoạn luồng từ thượng lưu cảng Phước An đến bến cảng Vedan Phước Thái với bề rộng đáy luồng 120m và độ sâu đạt 9,4m (chín phẩy bốn mét) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực L = 106°00', mũi chiếu = 3°		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
BP50	10°37'25.99"N	106°59'45.39"E	10°37'22.32"N	106°59'51.81"E
BP51	10°37'39.49"N	106°59'42.03"E	10°37'35.81"N	106°59'48.46"E
BP52	10°37'51.25"N	106°59'42.41"E	10°37'47.57"N	106°59'48.83"E
BP53	10°38'11.57"N	106°59'56.39"E	10°38'07.89"N	107°00'02.81"E
BP54	10°38'16.42"N	107°00'14.35"E	10°38'12.75"N	107°00'20.78"E

BP55	10°38'17.57"N	107°00'20.24"E	10°38'13.90"N	107°00'26.67"E
BP56	10°38'22.56"N	107°00'31.12"E	10°38'18.89"N	107°00'37.55"E
BP57	10°38'33.68"N	107°00'39.85"E	10°38'30.01"N	107°00'46.27"E
BP58	10°38'42.33"N	107°00'42.29"E	10°38'38.66"N	107°00'48.72"E
BP59	10°38'55.38"N	107°00'41.56"E	10°38'51.71"N	107°00'47.99"E
BP60	10°39'07.20"N	107°00'45.30"E	10°39'03.52"N	107°00'51.72"E
BP61	10°39'22.34"N	107°00'57.21"E	10°39'18.66"N	107°01'03.63"E
BP62	10°39'27.52"N	107°00'58.87"E	10°39'23.84"N	107°01'05.30"E
BP63	10°39'36.15"N	107°00'57.08"E	10°39'32.47"N	107°01'03.50"E
BP64	10°39'40.26"N	107°00'53.48"E	10°39'36.59"N	107°00'59.91"E
BP65	10°39'45.40"N	107°00'44.07"E	10°39'41.72"N	107°00'50.49"E
BT44	10°37'23.17"N	106°59'41.76"E	10°37'19.50"N	106°59'48.19"E
BT45	10°37'38.99"N	106°59'37.57"E	10°37'35.31"N	106°59'44.00"E
BT46	10°37'54.77"N	106°59'38.08"E	10°37'51.09"N	106°59'44.50"E
BT47	10°38'14.73"N	106°59'53.10"E	10°38'11.05"N	106°59'59.53"E
BT48	10°38'21.56"N	107°00'18.37"E	10°38'17.89"N	107°00'24.80"E
BT49	10°38'26.10"N	107°00'28.28"E	10°38'22.43"N	107°00'34.70"E
BT50	10°38'35.70"N	107°00'35.81"E	10°38'32.02"N	107°00'42.23"E
BT51	10°38'43.05"N	107°00'37.88"E	10°38'39.37"N	107°00'44.31"E
BT52	10°38'47.64"N	107°00'38.04"E	10°38'43.96"N	107°00'44.47"E
BT53	10°39'00.41"N	107°00'37.33"E	10°38'56.73"N	107°00'43.75"E
BT54	10°39'05.45"N	107°00'38.92"E	10°39'01.78"N	107°00'45.35"E
BT55	10°39'22.00"N	107°00'51.94"E	10°39'18.33"N	107°00'58.37"E
BT56	10°39'27.86"N	107°00'54.26"E	10°39'24.19"N	107°01'00.69"E
BT57	10°39'34.04"N	107°00'52.98"E	10°39'30.36"N	107°00'59.41"E
BT58	10°39'38.51"N	107°00'48.51"E	10°39'34.84"N	107°00'54.93"E
BT59	10°39'41.37"N	107°00'43.27"E	10°39'37.70"N	107°00'49.70"E

3.2. Trong phạm vi Vững quay tàu thượng lưu cảng Vedan Phước Thái được giới hạn bởi đường tròn đường kính $D=280m$, tâm VQ4, độ sâu đạt 9,4m (chín phẩy bốn mét) tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục $L=106^{\circ}00'$, mũi chiếu = 3°		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
VQ4	10°39'45.69"N	107°00'37.79"E	10°39'42.02"N	107°00'44.21"E

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy khi ra, vào, neo đậu tại vùng nước trên tuân thủ theo sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai.

Ghi chú: Truy cập nội dung công bố thông báo hàng hải tại địa chỉ <https://www.vimawa.gov.vn/vi/thong-bao-hang-hai>

Nơi nhận:

- Cục trưởng (để b/c);
- Các Cảng vụ hàng hải (Thông báo trên website);
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (thông báo trên website);
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (thông báo trên đài thông tin duyên hải);
- Trung tâm PHTKCN hàng hải khu vực III;
- Ban Quản lý dự án Hàng hải và Đường thủy;
- Website Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Lưu: VT, KCHT_{TD}

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Đình Việt